

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 4 NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 06 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 4 NĂM 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		800.018.032.856	1.275.567.789.700
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	42.789.259.366	336.882.059.451
1. Tiền	111		42.789.259.366	142.382.059.451
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	194.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		79.164.578.609	66.540.734.528
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	140.694.265.680	140.694.265.680
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(61.529.687.071)	(74.153.531.152)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		628.065.469.829	845.245.523.518
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	79.072.929.603	133.085.476.562
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	42.310.063.809	47.086.464.628
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	156.345.000.000	133.545.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	359.774.986.526	684.682.533.411
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(9.437.510.109)	(153.153.951.083)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.152.441.000	32.185.773
1. Hàng tồn kho	141	V.8	1.152.441.000	32.185.773
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		48.846.284.052	26.867.286.430
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	1.208.914.329	694.584.680
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		46.006.097.370	24.367.464.665
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	1.631.272.353	1.805.237.085
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 06 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 4 NĂM 2018**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.751.667.887.459	5.560.236.939.168
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		37.005.000.000	37.005.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	37.005.000.000	37.005.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		701.626.964.986	376.074.711.779
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	489.660.783.947	299.954.770.899
- Nguyên giá	222		705.338.518.168	473.009.010.811
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(215.677.734.221)	(173.054.239.912)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	203.471.422.418	64.828.449.857
- Nguyên giá	225		259.292.255.153	92.987.286.021
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(55.820.832.735)	(28.158.836.164)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	8.494.758.621	11.291.491.023
- Nguyên giá	228		19.462.953.294	21.027.746.542
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.968.194.673)	(9.736.255.519)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		61.096.896.014	17.885.070.242
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	61.096.896.014	17.885.070.242
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.887.041.149.644	5.099.008.826.299
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	3.394.706.988.483	3.857.249.567.918
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	1.807.858.948.941	1.529.391.295.376
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	186.457.032.000	186.457.032.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(501.981.819.780)	(474.089.068.995)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		64.897.876.815	30.263.330.848
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	52.910.180.488	18.533.323.607
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	11.987.696.327	11.730.007.241
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6.551.685.920.315	6.835.804.728.868

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 06 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 4 NĂM 2018**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.284.564.341.984	1.283.017.800.871
I. Nợ ngắn hạn	310		804.480.696.472	1.011.451.956.496
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	28.138.980.534	41.957.482.431
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	7.033.206.613	23.172.673.918
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	12.527.951.932	5.154.073.091
4. Phải trả người lao động	314	V.18	12.974.485.019	16.158.873.636
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	4.805.752.294	8.669.298.382
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	75.439.393.506	481.995.092.708
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	577.806.307.781	357.482.529.032
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22	59.938.481.636	60.402.312.740
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	25.816.137.157	16.459.620.558
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		480.083.645.512	271.565.844.375
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	479.330.116.703	270.217.938.887
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.24	753.528.809	1.347.905.488
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

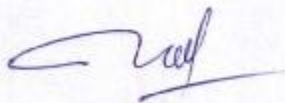
Địa chỉ: 06 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 4 NĂM 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.267.121.578.331	5.552.786.927.997
I. Vốn chủ sở hữu	410		5.267.121.578.331	5.552.786.927.997
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.25	2.969.249.570.000	2.882.769.570.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.969.249.570.000	2.882.769.570.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	1.941.832.197.040	1.941.832.197.040
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.25	69.388.382.902	69.388.382.902
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.25	(905.861.630)	(482.399.072)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.25	72.682.100.796	72.682.100.796
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.25	69.568.035.889	69.568.035.889
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.25	145.307.153.334	517.029.040.442
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		-	517.029.040.442
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		145.307.153.334	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6.551.685.920.315	6.835.804.728.868

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2019



Phạm Quang Huy
Người lập



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

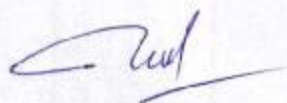
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPTĐịa chỉ: 06 Lê Thành Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MỆ QUÝ 4 NĂM 2018**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 4 Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	71.122.205.591	40.172.601.782	224.724.191.740	608.055.489.379
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		71.122.205.591	40.172.601.782	224.724.191.740	608.055.489.379
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	56.071.372.125	36.147.584.816	151.405.527.550	563.720.366.282
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.050.833.466	4.025.016.966	73.318.664.190	44.335.123.097
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	196.308.560.499	437.556.915.542	2.337.253.991.257	892.170.631.092
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	40.850.027.012	16.309.201.174	84.103.963.681	173.505.858.768
Trong đó: chi phí lãi vay	23		18.798.055.330	5.962.817.776	43.981.940.846	73.497.581.496
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.256.444.799	713.189.776	1.696.292.435	7.521.867.791
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	40.093.413.049	41.091.628.005	122.712.637.993	256.344.656.097
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		129.159.509.105	383.467.913.553	2.202.059.761.338	499.133.371.533
11. Thu nhập khác	31	VI.7	297.068.815	6.147.060.937	7.147.432.727	38.085.649.660
12. Chi phí khác	32	VI.8	5.842.418.936	34.638.583.414	6.466.604.135	85.201.264.223
13. Lợi nhuận khác	40		(5.545.350.121)	(28.491.522.477)	680.828.592	(47.115.614.563)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		123.614.158.984	354.976.391.076	2.202.740.589.930	452.017.756.970
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	(4.609.062.426)	10.291.905.311	215.496.140.773	11.086.665.202
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	430.181.421	(9.106.188.752)	(852.065.765)	(8.466.659.993)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		127.793.039.989	353.790.674.517	1.988.096.514.922	449.397.751.761
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2019



Phạm Quang Huy
Người lập



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPTĐịa chỉ: 06 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY ME QUÝ 4 NĂM 2018**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.202.740.589.930	452.017.756.970
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11, V.12	74.710.985.981	62.246.161.668
- Các khoản dự phòng	03	V.2, V.7	29.590.276.597	241.195.209.867
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3, VI.4	23.561.684.923	(7.373.916.814)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7	(2.319.295.094.484)	(882.629.457.227)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	43.981.940.846	73.497.581.496
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		55.290.383.793	(61.046.664.040)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		41.828.941.210	210.971.578.143
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.120.255.227)	13.777.961.104
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(13.725.246.379)	(92.919.246.740)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(34.891.186.530)	1.848.029.811
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	2.064.388.947
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.19, V.20, VI.4	(49.024.350.205)	(37.187.567.331)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(208.209.855.751)	(1.826.103.720)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.23	(31.274.229.431)	(20.476.366.359)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(241.125.798.520)	15.206.009.815
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.13	(285.079.521.641)	(215.866.233.241)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10, VI.7	24.518.614.507	172.688.300.963
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.5	(387.892.840.992)	(326.350.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.5	365.092.840.992	261.535.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	(141.076.632.415)	(325.518.347.740)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.081.043.470.315	154.654.500.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		733.743.085.836	530.496.630.004
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.390.349.016.602	251.639.849.986


CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

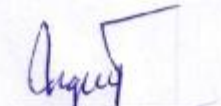
Địa chỉ: 06 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 4 NĂM 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		86.480.000.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		714.569.901.072	536.727.210.353
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(466.598.932.512)	(521.093.998.671)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(25.256.928.777)	(19.821.961.924)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20, V.25	(2.751.660.001.725)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.442.465.961.942)	(4.188.750.242)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(293.242.743.860)	262.657.109.559
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	336.882.059.451	74.289.026.051
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(850.056.225)	(64.076.159)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	42.789.259.366	336.882.059.451

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2019


 Phạm Quang Huy
 Người lập


 Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng


 Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gemadept (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Công ty kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.

- Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ, cảng Nam Đình Vũ, cảng Dung Quất, cảng Bình Dương, Nam Hải ICD và đầu tư vào dự án cảng nước sâu Gemalink Cái Mép;
- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không,...;
- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia;
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm: dự án Khu phức hợp Saigon Gem và dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty đã chi trả cổ tức năm 2016 và cổ tức đặc biệt bằng tiền với tỷ lệ 80%, tương đương 8.000 VND/cổ phiếu và chi trả cổ tức năm 2017 bằng tiền với tỷ lệ 15%, tương đương 1.500 VND/cổ phiếu.

Hoạt động vận tải container chuyên tuyến đã được tách ra thành công ty riêng, do đó doanh thu kỳ này chủ yếu bao gồm doanh thu cho thuê tài sản và dịch vụ đại lý.

Trong kỳ, Công ty tiếp tục góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hãnh Thái Bình Dương, Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương, Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line – Gemadept, Công ty TNHH Golden Globe và Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương.

Trong kỳ, Công ty đã phát hành cổ phiếu theo Chương trình phúc lợi bằng cổ phiếu cho người lao động trong Công ty cho các năm 2016 và 2017.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 26/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018, Công ty đã bổ sung và điều chỉnh ngành, nghề kinh doanh và đã nhận được giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 23 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 4 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện thủ tục giải tỏa tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty về mức 49%.

6. Cấu trúc Công ty

Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty có 19 công ty con và 10 công ty liên doanh, liên kết (tại thời điểm đầu năm Công ty có 24 công ty con và 8 công ty liên doanh, liên kết).

6a. Thông tin tái cấu trúc

Ngày 13 tháng 02 năm 2018 Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng 50,90% phần vốn góp tại Công ty TNHH Gemadept Logistics Holding. Khoản đầu tư còn lại được trình bày trên Báo cáo tài chính ở khoản mục "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết". Công ty TNHH Gemadept Logistics Holding đã được đổi tên thành Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314546921 đăng ký thay đổi lần 3 ngày 15 tháng 3 năm 2018.

Ngày 13 tháng 02 năm 2018 Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng 49% phần vốn góp tại Công ty TNHH Gemadept Shipping Holding. Khoản đầu tư còn lại được trình bày trên Báo cáo tài chính ở khoản mục "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết" theo thỏa thuận của hợp đồng chuyển nhượng vốn góp. Công ty TNHH Gemadept Shipping Holding đã được đổi tên thành Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314492497 đăng ký thay đổi lần 3 ngày 15 tháng 3 năm 2018.

Ngày 30 tháng 6 năm 2018 Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept.

Trong kỳ, Công ty đã chấm dứt hoạt động các công ty con: Công ty TNHH MTV Logistics Biển Sáng, Gemadept (S) Pte. Ltd. và Grand Pacific Shipping Pte.Ltd.

6b. Danh sách các công ty con tại thời điểm cuối kỳ

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ	Lô CA1, Khu công nghiệp Nam Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Hải Phòng, Việt Nam	60,00%	60,00%	60,00%
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ	Km số 6 Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam	84,66%	84,66%	84,66%
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	201 Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam	99,98%	99,98%	99,98%
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	Lô CN3, Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, VN	65,00%	65,00%	65,00%
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Bến số 1 – Cảng tổng hợp Dung Quất, Xã Bình Thuận, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	80,40%	80,40%	80,40%
Công ty TNHH Cảng Phước Long	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ ⁽¹⁾	Khu phố 7, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	46,00%	46,00%	54,00%
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 4 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Dương Công ty TNHH ISS – Gemadep	45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương	61 đường 468, Phường Toul Tumpoung 2, Quận Chamkarmon, TP. Phnom Penh, Campuchia	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương	18B đường 500, Phường Phsar Deum Thkov, Quận Chamkarmon, TP. Phnom Penh, Campuchia	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hành Thái Bình Dương	947 Thôn Por Prok Khang Tbong, Phường Kar Karb, Quận Po Sen Chey, Phnom Penh, Campuchia	100%	100%	100%
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadep	147 Nguyễn Thái Bình, Phường 3, TP. Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Gemadep Vũng Tàu	1/1A Phạm Hồng Thái, Phường 7, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadep Nhơn Hội	98 Phạm Hùng, Phường Lý Thường Kiệt, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	53,20%	53,20%	53,20%
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học Vĩ Tín	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%

- (i) Công ty nắm quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ do được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông là 54%.

6c. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm cuối kỳ

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadep – Terminal Link	Khu vực Cái Mép, Xã Phước Hòa, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	41,67%	41,67%	41,67%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	30 Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	32,25%	32,25%	32,25%
Công ty TNHH CJ Gemadep Logistics Holdings	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,10%	49,10%	49,10%
Công ty TNHH CJ Gemadep Shipping Holdings	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	51,00%	50,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 4 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty TNHH Golden Globe	Bản Sibunhuong, Quận Chanthabouly, Thủ đô Vientiane, Lào	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng	117 Lê Lợi, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	45,00%	45,00%	45,00%
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm	267 Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam	26,56%	26,56%	26,56%
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	Cầu Tum, Khu phố Hải Tân, Thị trấn Phước Hải, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu	973 đường 30/4, Phường 11, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	26,78%	26,78%	26,78%

6d. Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Vận tải Thái Bình Dương	Lầu 15, số 35 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Đà Nẵng	39 Quang Trung, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Chi nhánh Cần Thơ	80-82-84 Lê Hồng Phong, Phường Bình Thủy, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Chi nhánh Vũng Tàu	1/1A Phạm Hồng Thái, Phường 7, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
Chi nhánh Campuchia	18B, Đường 500, Khu phố 1, Phường Phsar Doeumthkov, Quận Chamkarmon, TP. Phnom Penh, Campuchia

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 169 nhân viên đang làm việc, không thay đổi so với số đầu năm.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính quý 4 bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 4 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 4 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Citibank, N.A., Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Citibank, N.A., Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 4 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 4 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho bao gồm nhiên liệu và hàng hóa. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 4 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí bảo hiểm, chi phí lãi thuê tài chính container ... Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian của hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí lãi thuê tài chính container

Chi phí lãi thuê tài chính container được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 06 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 4 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của thiết bị và phương tiện vận tải không quá 06 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 – 08 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 4 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty chủ yếu liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 4 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 4 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.521.874.431	2.928.760.727
Tiền gửi ngân hàng	40.267.384.935	138.837.242.396

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 4 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền đang chuyển	-	616.056.328
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	-	194.500.000.000
Cộng	<u>42.789.259.366</u>	<u>336.882.059.451</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
Cổ phiếu						
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân	94.971.030.000	62.645.063.159	(32.325.966.841)	94.971.030.000	50.379.141.600	(44.591.888.400)
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức	31.488.264.362	16.519.218.000	(14.969.046.362)	31.488.264.362	15.799.832.700	(15.688.431.662)
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	14.234.321.100	-	(14.234.321.100)	14.234.321.100	361.364.000	(13.872.957.100)
Các cổ phiếu khác	650.218	365.900	(352.768)	650.218	512.500	(253.990)
Cộng	<u>140.694.265.680</u>	<u>79.164.647.059</u>	<u>(61.529.687.071)</u>	<u>140.694.265.680</u>	<u>66.540.850.800</u>	<u>(74.153.531.152)</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(74.153.531.152)	(91.692.607.552)
Hoàn nhập dự phòng	12.623.844.081	17.539.076.400
Số cuối kỳ	<u>(61.529.687.071)</u>	<u>(74.153.531.152)</u>

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Đầu tư vào công ty con	<u>3.394.706.988.483</u>	<u>(369.621.729.857)</u>	<u>3.857.249.567.918</u>	<u>(253.944.866.923)</u>
Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương ⁽¹⁾	821.547.894.800	(86.537.815.310)	801.823.100.000	(35.521.951.507)
Công ty Cổ phần Hòa Ngọc Thái Bình Dương	586.721.892.380	(158.712.498.700)	586.721.892.380	(136.185.022.864)
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	424.383.000.000	-	424.383.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Nam Định Vũ	360.000.000.000	(28.930.453.807)	360.000.000.000	(4.375.994.860)
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Định Vũ	338.625.450.000	-	338.625.450.000	-
Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hân Thái Bình Dương ⁽¹⁾	258.617.795.550	(81.556.853.689)	183.045.245.550	(39.063.050.101)
Công ty TNHH Cảng Phước Long	200.000.000.000	-	200.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương ⁽¹⁾	85.800.000.000	(9.583.704.395)	82.500.000.000	(8.621.082.937)
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	78.000.000.000	(3.300.403.956)	78.000.000.000	(13.971.545.505)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 4 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Gemadept Vũng Tàu	67.200.000.000	-	67.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	41.730.000.000	-	41.730.000.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M	35.000.000.000	-	35.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ	27.600.000.000	-	27.600.000.000	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	2.343.651.753	-	2.343.651.753	-
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Công ty TNHH Gemadept Logistics Holding ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	267.797.641.500	-
Công ty TNHH Gemadept Shipping Holding ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	205.086.700.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	70.866.282.735	(128.185.291)
Gemadept (S) Pte. Ltd. ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	-	15.207.300.000	(15.207.300.000)
Công ty TNHH MTV Logistics Biển Sáng ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	-	2.182.000.000	-
Các công ty con khác	2.637.304.000	(1.000.000.000)	2.637.304.000	(870.733.858)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.807.858.948.941	(122.945.978.363)	1.529.391.295.376	(98.608.327.116)
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	834.150.000.000	(80.767.976.488)	834.150.000.000	(71.095.385.067)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	393.773.440.000	-	393.773.440.000	-
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	131.555.876.205	-	-	-
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept ⁽ⁱ⁾	108.001.500.000	-	71.352.500.000	-
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings	104.620.023.000	(13.060.684.732)	-	-
Công ty TNHH Golden Globe ⁽ⁱ⁾	94.998.157.496	(620.444.935)	89.355.403.136	(1.060.531.832)
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng	62.538.064.097	-	62.538.064.097	-
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm	49.825.280.000	(9.742.264.065)	49.825.280.000	(7.697.802.074)
Các công ty liên kết khác	28.396.608.143	(18.754.608.143)	28.396.608.143	(18.754.608.143)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	186.457.032.000	(9.414.111.560)	186.457.032.000	(121.535.874.956)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 4 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	165.581.032.000	-	165.581.032.000	(113.572.432.000)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam ^(iv)	15.876.000.000	(6.246.822.727)	15.876.000.000	(4.638.054.728)
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Trí Tuệ Việt Nam	5.000.000.000	(3.167.288.833)	5.000.000.000	(3.325.388.228)
Cộng	5.389.022.969.424	(501.981.819.780)	5.573.097.895.294	(474.089.068.995)

(i) Tăng do góp vốn bổ sung.

(ii) Giảm do chuyển nhượng phần vốn góp.

(iii) Giảm do giải thể công ty con.

(iv) Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam đang hoàn tất các thủ tục giải thể.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(474.089.068.995)	(358.289.881.095)
Trích lập dự phòng bổ sung	(27.892.750.785)	(115.799.187.900)
Số cuối kỳ	(501.981.819.780)	(474.089.068.995)

2c. Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Trong kỳ, Công ty phát sinh các giao dịch trọng yếu với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải		
Doanh thu dịch vụ	-	6.788.842.316
Chi phí dịch vụ	-	1.545.057.822
Cổ tức được chia	28.000.000.000	97.299.685.023
Bán tài sản cố định	-	12.102.199.910
Lãi vay	1.080.752.055	-
Vay	48.500.000.000	-
Chi hộ	15.591.976	-
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ		
Doanh thu cho thuê tài sản	8.966.474.571	-
Lãi vay	1.433.810.960	-
Vay	123.000.000.000	-
Chi hộ	9.911.168	-
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ		
Doanh thu dịch vụ	2.682.504.758	11.403.309.296
Chi phí dịch vụ	-	488.655.111
Cổ tức được chia	165.249.219.600	362.329.231.500
Vay	137.000.000.000	235.000.000.000
Lãi vay	1.901.022.754	4.085.138.891
Bán tài sản cố định	-	68.362.971.728

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 4 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cho vay	58.000.000.000	-
Lãi cho vay	205.224.657	-
Chi hộ	77.470.505	-
Công ty TNHH Cảng Phước Long		
Doanh thu cho thuê tài sản	25.316.392.959	27.201.465.295
Doanh thu dịch vụ	611.057.564	1.348.346.694
Chi phí dịch vụ	93.681.381	6.231.010.958
Lợi nhuận được chia	64.000.000.000	44.000.000.000
Cho vay	120.000.000.000	107.000.000.000
Lãi cho vay	3.341.845.355	1.659.000.003
Chi hộ	251.861.890	272.295.200
Bán tài sản cố định	-	36.616.803.100
Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hành Thái Bình Dương		
Góp vốn	91.660.600.000	127.397.745.550
Nhờ chi hộ	-	566.531.235
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương		
Chi hộ	4.624.577.157	-
Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương		
Góp vốn	19.724.794.800	11.341.000.000
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương		
Góp vốn	4.400.000.000	800.000.000
Chi hộ	391.724.343	422.142.156
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải		
Doanh thu cho thuê tài sản	2.520.000.000	-
Cho vay	14.000.000.000	44.000.000.000
Lãi cho vay	6.850.094.368	5.478.222.221
Bán tài sản cố định	-	1.579.787.092
Chi hộ	7.737.804	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept		
Chi hộ	556.981.000	-
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Dung Quất		
Doanh thu dịch vụ	634.909.091	634.909.091
Chi phí dịch vụ	77.073.045	109.409.273
Chi hộ	635.803.143	-
Cho vay	10.000.000.000	-
Lãi cho vay	14.383.562	164.444.445
Vay	-	16.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 4 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận được chia	40.800.000.000	20.400.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M		
Lợi nhuận được chia	24.000.000.000	7.000.000.000
Vay	1.000.000.000	-
Lãi vay	17.534.246	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ		
Doanh thu cho thuê tài sản	4.320.000.000	4.320.000.000
Cổ tức được chia	5.520.000.000	6.624.000.000
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương		
Lợi nhuận được chia	2.000.000.000	2.000.000.000
Vay	7.000.000.000	27.500.000.000
Lãi vay	497.671.232	325.666.665
Chi hộ	-	212.595.381
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương		
Doanh thu dịch vụ	7.916.399.438	2.603.319.125
Doanh thu thanh lý tài sản	305.000.000	49.636.364
Chi phí dịch vụ	472.113.971	282.126.460
Lợi nhuận được chia	10.000.000.000	-
Công ty TNHH ISS – Gemadept		
Doanh thu dịch vụ	7.983.500	-
Lợi nhuận được chia	1.792.503.763	-
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học Vĩ Tín		
Chi phí dịch vụ	945.000.000	1.718.181.818
Chi hộ	1.008.395.280	2.396.905.171
Cho vay	235.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link		
Doanh thu cho thuê văn phòng	264.000.000	264.000.000
Lãi vay	1.248.590.178	1.240.875.200
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn		
Chi phí dịch vụ	-	6.360.640
Cổ tức được chia	175.195.580.000	82.987.380.000
Vay	198.000.000.000	-
Lãi vay	4.227.963.676	-
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept		
Doanh thu dịch vụ	344.904.392	324.258.955
Góp vốn	36.649.000.000	24.596.000.000
Vay	30.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 4 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi vay	345.205.479	-
Cho vay	-	3.000.000.000
Lãi cho vay	-	24.666.667
Công ty TNHH Golden Globe		
Chi hộ	-	20.647.334.268
Góp vốn	5.886.954.360	-
Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu		
Cổ tức được chia	1.157.040.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm		
Cho vay	330.000.000	50.000.000
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept		
Doanh thu dịch vụ	1.871.321.955	9.596.937.458
Doanh thu cho thuê tài sản	3.526.125.935	3.580.357.910
Chi hộ	1.264.907.199	2.862.484.321
Bán tài sản cố định	-	60.500.000
Chi phí dịch vụ	-	260.160.651
Thu hộ	40.364.050.157	40.046.137.808
Vay	2.077.159.008	44.000.000.000
Lãi vay	6.191.641	335.051.111
Cho vay	173.327.840.992	172.300.000.000
Lãi cho vay	339.784.931	272.442.917
Lợi nhuận được chia	-	159.780.075.292
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng		
Doanh thu dịch vụ	-	64.550.059.753
Doanh thu cho thuê tài sản	6.466.181.817	13.629.451.613
Chi phí dịch vụ	-	66.238.108.084
Chi hộ	70.541.810	100.478.297
Lợi nhuận được chia	-	23.061.901.345
Bán tài sản cố định	-	60.000.000
Công ty Cổ phần Mekong Logistics		
Cho vay	8.000.000.000	-
Lãi cho vay	176.630.135	-
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept		
Doanh thu dịch vụ, cho thuê tài sản	70.896.336.750	33.366.475.121
Chi phí dịch vụ	269.768.773	8.161.571.894
Thu hộ	38.286.285.129	20.385.859.866
Chi hộ	2.632.431.332	646.338.664
Góp vốn	-	63.300.000.000
Bán tài sản cố định	-	6.663.947.972
Lợi nhuận được chia	-	25.132.953.120

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 4 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings		
Cho vay	4.000.000.000	-
Lãi cho vay	71.912.329	-
Góp vốn	-	267.797.641.500
Doanh thu dịch vụ	-	67.548.800
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings		
Góp vốn	-	205.086.700.000
Doanh thu dịch vụ	-	81.058.560
Bán công ty con	-	16.850.000.000
Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd.		
Chi phí dịch vụ đại lý	-	231.398.136
Lợi nhuận được chia	-	7.329.473.030
Gemadept (S) Pte. Ltd.		
Chi hộ	-	3.116.551.711
Thu hộ	-	5.968.078.038
Chi phí dịch vụ	-	29.006.482.000
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Điện lực		
Cổ tức được chia	-	1.072.446.000
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	51.036.816.332	73.959.210.315
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	18.679.849.219	19.183.375.817
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương	6.403.258.406	15.863.651.038
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ	2.336.800.000	3.564.000.000
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	4.130.800.000	449.145.392
Công ty Cổ phần Cảng Nam Định Vũ	1.538.407.200	-
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	3.691.392.506	380.626.242
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Định Vũ	-	52.000.000
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	2.758.082.192	89.000.001
Công ty TNHH Cảng Phước Long	11.419.893.476	17.144.944.275
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings	-	16.939.164.416
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	-	172.500.001
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	-	74.303.680
Công ty TNHH Golden Globe	-	46.499.453
Các bên liên quan khác	78.333.333	-
Phải thu các khách hàng khác	28.036.113.271	59.126.266.247
Công ty TNHH Hyosung Việt Nam	17.753.995.869	-
Các khách hàng khác	10.282.117.402	59.126.266.247
Cộng	79.072.929.603	133.085.476.562

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 4 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Bông Sen Vàng	26.080.800.000	26.080.800.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Ngân Hà	10.783.853.004	10.783.853.004
Các nhà cung cấp khác	5.445.410.805	10.221.811.624
Cộng	42.310.063.809	47.086.464.628

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Cho các bên liên quan vay</i>	<i>145.345.000.000</i>	<i>122.545.000.000</i>
Công ty TNHH Cảng Phước Long	30.000.000.000	26.000.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	86.000.000.000	81.000.000.000
Công ty Cổ phần Mekong Logistics	8.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	2.110.000.000	1.780.000.000
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	4.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	-	13.765.000.000
Công ty TNHH Tin học Vi Tín	235.000.000	-
<i>Cho tổ chức khác vay</i>	<i>11.000.000.000</i>	<i>11.000.000.000</i>
Cộng	156.345.000.000	133.545.000.000

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>283.513.844.352</i>	<i>619.574.542.241</i>
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương	79.814.850.750	79.470.251.520
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept – Lợi nhuận được chia, nhờ thu hộ	25.614.270.837	26.934.547.919
Công ty TNHH Cảng Phước Long – Chi hộ, lợi nhuận được chia, lãi cho vay	87.358.085.826	59.785.949.034
Công ty TNHH Golden Globe – Chi hộ	26.205.879.000	20.620.600.000
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng – Chi hộ, lợi nhuận được chia	9.132.443.155	14.061.901.345
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ – Hỗ trợ vốn, chi hộ, cổ tức	-	6.000.800.000
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải – Lãi cho vay	2.854.641.913	1.652.444.444
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học Vi Tín – Chi hộ	424.500.451	2.306.105.171
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Điện lực	1.072.446.000	1.072.446.000
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương – Chi hộ	773.782.948	344.270.605
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept – Chi hộ, lợi nhuận được chia, lãi cho vay	327.961.655	21.225.867.164
Công ty Cổ phần Mekong Logistics – Lãi cho vay	82.328.766	-
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải – Cổ tức, chi hộ	-	27.990.000.000
Công ty CP Cảng Nam Hải Đình Vũ – Chi hộ	1.367.178	209.949.241.945
Grand Pacific Shipping Pte Ltd – Đặt cọc thuê tàu	-	29.458.000.000
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Dung Quất – Cổ tức	38.800.000.000	4.400.000.000
Gemadept (S) Pte. Ltd. – Chi hộ	-	113.372.510.867

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 4 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M – Cổ tức	1.983.150.686	-
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương - Cổ tức	8.000.000.000	-
Các bên liên quan khác	1.068.135.187	929.606.227
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	76.261.142.174	65.107.991.170
Tạm ứng	31.334.381.169	38.172.040.862
Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	2.722.178.104	4.808.856.213
Các khoản đặt cọc ngắn hạn	6.384.443.118	5.945.954.000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	35.820.139.783	16.181.140.095
Cộng	359.774.986.526	684.682.533.411

6b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty TNHH Sông Hằng	19.000.000.000	-	19.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Mặt Trời Đông Dương	18.000.000.000	-	18.000.000.000	-
Các khoản đặt cọc dài hạn	5.000.000	-	5.000.000	-
Cộng	37.005.000.000	-	37.005.000.000	-

7. Nợ xấu

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>			
	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị đã lập dự phòng</u>	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị đã lập dự phòng</u>
Các bên liên quan		2.266.882.222	(2.266.882.222)		144.767.393.089	(144.767.393.089)
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm – Cho vay và lãi vay Gemadept (S) Pte. Ltd. – Chi hộ (*)		2.266.882.222	(2.266.882.222)		1.936.882.222	(1.936.882.222)
Grand Pacific Shipping Pte Ltd – Đặt cọc thuê tàu (*)		-	-		113.372.510.867	(113.372.510.867)
Các tổ chức và cá nhân khác		7.170.627.887	(7.170.627.887)		8.487.987.994	(8.386.557.994)
Bà Nguyễn Thị Hồng Linh – Phải thu về kinh doanh chứng khoán Penex Container Lines Pte. Ltd – Phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	3.000.000.000	(3.000.000.000)	Trên 03 năm	3.000.000.000	(3.000.000.000)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Trên 03 năm	2.792.724.771	(2.792.724.771)	Trên 03 năm	2.763.212.976	(2.763.212.976)
	Từ 01 năm đến trên 03 năm	1.377.903.116	(1.377.903.116)	Từ 01 năm đến trên 03 năm	2.724.775.018	(2.623.345.018)
Cộng		9.437.510.109	(9.437.510.109)		153.255.381.083	(153.153.951.083)

(*) Khoản phải thu Gemadept (S) Pte. Ltd. và Grand Pacific Shipping Pte Ltd đã được xóa nợ theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 029/BBHQQT-GMD ngày 28 tháng 3 năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 4 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:*

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(153.153.951.083)	(10.218.852.716)
Trích lập dự phòng bổ sung	(370.941.795)	(142.935.098.367)
Hoàn nhập dự phòng	1.256.871.902	-
Xóa nợ	142.830.510.867	-
Số cuối kỳ	(9.437.510.109)	(153.153.951.083)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	1.152.441.000	-	-	-
Hàng hóa	-	-	32.185.773	-
Cộng	1.152.441.000	-	32.185.773	-

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	1.208.914.329	379.051.790
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	315.532.890
Cộng	1.208.914.329	694.584.680

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi thuê tài chính container	49.467.126.156	17.701.641.274
Các chi phí trả trước dài hạn khác	3.443.054.332	831.682.333
Cộng	52.910.180.488	18.533.323.607

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	6.051.904.132	4.474.472.564	456.794.195.174	5.688.438.941	473.009.010.811
Tăng trong kỳ	-	-	232.242.019.423	3.780.120.500	236.022.139.923
Giảm trong kỳ	-	-	(3.692.632.566)	-	(3.692.632.566)
Số cuối kỳ	6.051.904.132	4.474.472.564	685.343.582.031	9.468.559.441	705.338.518.168
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	5.709.464.200	4.392.026.030	157.406.813.484	5.545.936.198	173.054.239.912
Tăng trong kỳ	342.439.932	13.766.233	45.138.789.321	322.054.770	45.817.050.256
Giảm trong kỳ	-	-	(3.193.555.947)	-	(3.193.555.947)
Số cuối kỳ	6.051.904.132	4.405.792.263	199.352.046.858	5.867.990.968	215.677.734.221
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	342.439.932	82.446.534	299.387.381.690	142.502.743	299.954.770.899
Số cuối kỳ	-	68.680.301	485.991.535.173	3.600.568.473	489.660.783.947

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 358.477.371.516 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 4 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****11. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Thiết bị và phương tiện vận tải
Nguyên giá	
Số đầu năm	92.987.286.021
Thuê tài chính tăng trong kỳ	166.304.969.132
Số cuối kỳ	259.292.255.153
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	28.158.836.164
Khấu hao trong kỳ	27.661.996.571
Số cuối kỳ	55.820.832.735
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	64.828.449.857
Số cuối kỳ	203.471.422.418

12. Tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm máy tính		
	Quyền sử dụng đất	phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.271.530.010	19.756.216.532	21.027.746.542
Tăng/(Giảm) trong kỳ		(1.564.793.248)	(1.564.793.248)
Số cuối kỳ	1.271.530.010	18.191.423.284	19.462.953.294
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	9.736.255.519	9.736.255.519
Khấu hao trong kỳ	-	1.231.939.154	1.231.939.154
Số cuối kỳ	-	10.968.194.673	10.968.194.673
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.271.530.010	10.019.961.013	11.291.491.023
Số cuối kỳ	1.271.530.010	7.223.228.611	8.494.758.621

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí mua sắm tài sản cố định. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
Chi phí mua cầu, xe nâng, sà lan	15.839.894.800	40.839.227.772	-	56.679.122.572
Phần mềm ORC	1.355.175.442	-	-	1.355.175.442
Phần mềm GSS	630.000.000	-	(630.000.000)	-
Phần mềm e-Office	-	476.910.000	-	476.910.000
Phần mềm HR	-	2.585.688.000	-	2.585.688.000
Các chi phí khác	60.000.000	-	(60.000.000)	-
Cộng	17.885.070.242	43.901.825.772	(690.000.000)	61.096.896.014

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 4 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Một số tài sản xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 19.901.676.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	11.730.007.241	11.760.929.931
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	257.689.086	(30.922.690)
Số cuối kỳ	<u>11.987.696.327</u>	<u>11.730.007.241</u>

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>1.433.309.980</i>	<i>17.109.663.290</i>
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	-	13.262.786.457
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	1.423.841.601	3.846.876.833
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương	9.468.379	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>26.705.670.554</i>	<i>24.847.819.141</i>
Phnom Penh Autonomous Port	-	13.638.422.452
Các nhà cung cấp khác	26.705.670.554	11.209.396.689
Cộng	<u>28.138.980.534</u>	<u>41.957.482.431</u>

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Hyosung Việt Nam	-	17.879.882.833
Các khách hàng khác	7.033.206.613	5.292.791.085
Cộng	<u>7.033.206.613</u>	<u>23.172.673.918</u>

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**17a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước phát sinh tại Việt Nam**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.252.219.823	-	4.423.731.360	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.317.603.949	-	1.491.568.682
Thuế môn bài	-	-	-	-
Thuế nhà thầu	262.458.557	-	537.911.392	-
Các loại thuế khác	-	313.668.404	-	313.668.403
Cộng	<u>12.514.678.380</u>	<u>1.631.272.353</u>	<u>4.961.642.752</u>	<u>1.805.237.085</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 4 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước phát sinh tại Campuchia

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.273.552	-	192.430.339	-
Cộng	13.273.552	-	192.430.339	-

18. Phải trả người lao động

Tiền lương và các khoản khác phải trả công nhân viên

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	503.807.973	6.285.908.465
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link – Chi phí lãi vay	497.616.332	6.285.908.465
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept - Chi phí lãi vay	6.191.641	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	4.301.944.321	2.383.389.917
Chi phí lãi vay	919.851.981	712.249.966
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	3.382.092.340	1.671.139.951
Cộng	4.805.752.294	8.669.298.382

20. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	11.595.793.399	15.868.236.755
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	5.117.063.590	512.320.855
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept	1.677.414.393	1.677.414.393
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	2.295.405.974	3.755.249.639
Công ty CP Niềm Kiêu Hãnh Thái Bình Dương	566.531.235	566.655.720
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	1.066.094.645	321.868.893
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương	-	67.777.777
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line	-	72.304.500
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept	-	4.595.839.422
Công ty TNHH MTV Logistics Biển Sáng	-	2.142.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học VI Tin	-	1.890.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ	47.120.548	197.916.667
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	259.508.219	-
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ	566.654.795	-
Công ty CP Cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	-	68.888.889
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	63.843.600.107	466.126.855.953
Các khoản thu hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	98.933.406	464.090.084
Các khoản nhận đặt cọc ngắn hạn	675.453.340	1.029.036.015
Cổ tức phải trả	137.782.125	432.610.127.850

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 4 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	62.931.431.236	32.023.602.004
Cộng	<u>75.439.393.506</u>	<u>481.995.092.708</u>

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	<u>448.775.223.876</u>	<u>302.776.728.013</u>
Vay Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	220.320.963.876	244.776.728.013
Vay Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đinh Vũ	-	50.000.000.000
Vay Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	48.500.000.000	-
Vay Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đinh Vũ	118.000.000.000	-
Vay Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương	8.500.000.000	8.000.000.000
Vay Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	53.454.260.000	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức khác	<u>129.031.083.905</u>	<u>54.705.801.019</u>
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh	27.163.172.621	729.387.696
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	-	19.127.886.823
Vay dài hạn đến hạn trả	45.962.938.572	13.477.740.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	55.904.972.712	21.370.786.500
Cộng	<u>577.806.307.781</u>	<u>357.482.529.032</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	274.457.549.999	204.349.060.000
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Sài Gòn	90.000.000.000	100.000.000.000
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình	184.457.549.999	104.349.060.000
Thuê tài chính Intermodal Investment Fund IV LLC	204.872.566.704	65.868.878.887
Cộng	<u>479.330.116.703</u>	<u>270.217.938.887</u>

21c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

22. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng các khoản phải trả chủ yếu liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợiKỳ nàyKỳ trước

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 4 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	16.459.620.558	19.327.092.509
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	40.630.746.030	31.179.213.550
Chi quỹ	(31.274.229.431)	(34.046.685.501)
Số cuối kỳ	<u>25.816.137.157</u>	<u>16.459.620.558</u>

24. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả chủ yếu là khoản chênh lệch do đánh giá lại giá trị quyền sử dụng đất khi chuyển nhượng tòa nhà Gemadept và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của khoản mục tiền và các khoản phải thu. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.347.905.488	9.845.668.171
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh và giảm khác	(594.376.679)	(8.497.762.683)
Số cuối năm	<u>753.528.809</u>	<u>1.347.905.488</u>

25. Vốn chủ sở hữu**25a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Giảm trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vốn góp của chủ sở hữu	2.882.769.570.000	86.480.000.000	-	2.969.249.570.000
Thặng dư vốn cổ phần	1.941.832.197.040	-	-	1.941.832.197.040
Vốn khác của chủ sở hữu	69.388.382.902	-	-	69.388.382.902
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(482.399.072)	-	(423.462.558)	(905.861.630)
Quỹ đầu tư phát triển	72.682.100.796	-	-	72.682.100.796
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	69.568.035.889	-	-	69.568.035.889
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	517.029.040.442	1.988.096.514.922	(2.359.818.402.030)	145.307.153.334
Tổng cộng	<u>5.552.786.927.997</u>	<u>2.074.576.514.922</u>	<u>(2.360.241.864.588)</u>	<u>5.267.121.578.331</u>

25b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	296.924.957	288.276.957
- Cổ phiếu phổ thông	296.924.957	288.276.957
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	296.924.957	288.276.957
- Cổ phiếu phổ thông	296.924.957	288.276.957
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 4 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản,...	221.946.117.768	605.663.430.258
Doanh thu cho thuê văn phòng	2.778.073.972	2.392.059.121
Cộng	224.724.191.740	608.055.489.379

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày ở thuyết minh số V.2c.

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hoạt động logistics.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	12.679.239.847	362.710.875
Lãi tiền cho vay	11.912.286.295	8.959.442.920
Lãi hoạt động đầu tư chứng khoán	-	1.642.835.053
Lãi chuyển nhượng công ty con	1.790.862.962.895	13.407.436.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	517.726.602.179	860.397.625.159
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.693.316.333	7.373.916.814
Doanh thu tài chính khác	379.583.708	26.664.271
Cộng	2.337.253.991.257	892.170.631.092

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	43.981.940.846	73.497.581.496
Lỗ chênh lệch tỷ giá	9.601.356.068	119.050.401
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	30.476.206.704	98.260.111.500
Chi phí tài chính khác	44.460.063	1.629.115.371
Cộng	84.103.963.681	173.505.858.768

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoa hồng, môi giới	398.840.000	7.056.438.471
Các chi phí khác	1.297.452.435	465.429.320
Cộng	1.696.292.435	7.521.867.791

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	59.943.778.462	54.561.924.165
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	854.779.091	1.446.085.783
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.105.180.024	5.647.392.597
Chi phí dự phòng (hoàn nhập) phải thu khó đòi	(885.930.107)	142.935.098.367

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 4 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuê văn phòng	19.061.301.086	22.982.346.400
Các chi phí khác	37.633.529.437	28.771.808.785
Cộng	122.712.637.993	256.344.656.097
7. Thu nhập khác		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	706.218.181	15.170.574.769
Hoàn nhập dự phòng phải trả tiền chậm nộp thuế	-	21.054.124.191
Các khoản thu nhập khác	6.441.214.546	1.860.950.700
Cộng	7.147.432.727	38.085.649.660
8. Chi phí khác		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ đánh giá lại tài sản cố định đưa đi góp vốn	-	15.305.621.621
Các khoản chi phí khác	6.466.604.135	69.895.642.602
Cộng	6.466.604.135	85.201.264.223
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	448.759.422	830.311.873
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	30.922.690
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(257.689.086)	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(1.043.136.101)	(9.327.894.556)
Cộng	(852.065.765)	(8.466.659.993)
10. Lãi trên cổ phiếu		
Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.		
11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.801.579.530	135.885.102.184
Chi phí nhân công	68.919.800.210	76.988.808.560
Chi phí khấu hao tài sản cố định	74.710.985.981	62.246.161.668
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.285.863.663	363.222.579.533
Chi phí khác	45.096.228.594	189.244.238.225
Cộng	275.814.457.978	827.586.890.170

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 4 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	9.993.008.000	7.894.365.000
Thu nhập khác	2.062.035.292	3.135.835.292
Cộng	12.055.043.292	11.030.200.292

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	Công ty con
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ	Công ty con
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ	Công ty con
Công ty TNHH Cảng Phước Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hân Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	Công ty con
Công ty Cổ phần Gemadept Vũng Tàu	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept	Công ty con
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Công ty con
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ	Công ty con
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	Công ty con
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty TNHH ISS – Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học Vĩ Tín	Công ty con
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept	Công ty con
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line – Gemadept	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	Công ty liên kết
Công ty TNHH Golden Globe	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 4 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept
Công ty Cổ phần Mekong Logistics

Gemadept Shipping Singapore Pte. Ltd.
Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd.

Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Điện lực

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch trọng yếu với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.2c.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6, V.15, V.19, V.20 và V.21.

2. Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế

	<u>Quý 4 năm 2018</u>	<u>Quý 4 năm 2017</u>	<u>Chênh lệch giảm</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	127.793.039.989	353.790.674.517	225.997.634.528

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 4 năm 2018 đạt hơn 127 tỷ đồng, thấp hơn 225 tỷ đồng so với quý 4 năm 2017. Nguyên nhân chủ yếu do năm 2017 Công ty thực hiện tái cấu trúc nên cổ tức nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác cao hơn so với quý 4 năm 2018.

Trong năm 2018, tổng lợi nhuận sau thuế của công ty đạt 1,988 tỷ đồng bao gồm lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và chuyển nhượng vốn.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2019

Phạm Quang Huy
Người lập

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc